

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HỒNG ANH TÂN CHÂU**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG HỒNG ANH TÂN CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH TMDV XD HỒNG ANH TC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602185952

**3. Ngày thành lập:** 13/09/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 237/19 Tôn Đức Thắng, Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0342.789.990

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                              | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                        | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình điện<br>(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước) | 4221        |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                            | 4222        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                              | 4229        |
| 6.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                       | 4291        |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                     | 4299        |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                         | 4311        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                              | 4312        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                          | 4321        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                          | 4322        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                            | 4390        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                      | 4649        |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                | 4659        |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                            | 4662        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663                                                         |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông; Khảo sát địa hình xây dựng công trình<br>Chi tiết: Tư vấn đầu thầu (lập và thẩm định hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu); Lập dự toán, tổng dự toán công trình giao thông, dân dụng; Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình giao thông, dân dụng; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dân dụng | 7110                                                         |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933                                                         |
| 20. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5022                                                         |
| 21. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490                                                         |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5229                                                         |
| 23. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4620                                                         |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4651                                                         |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652                                                         |
| 26. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310                                                         |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410                                                         |
| 28. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ CHUYỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 351916437

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Công An Tỉnh An Giang

Địa chỉ thường trú: Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 237/19 Tôn Đức Thắng, Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 14/09/2024 đến ngày 14/10/2024

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ CHUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 351916437

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Công An Tỉnh An Giang

Địa chỉ thường trú: Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 237/19 Tôn Đức Thắng, Khóm Long Thị D, Phường Long Thạnh, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang